

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – PT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 7 - 2025

“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - PT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Luyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoa;

2. Ông Phạm Mạnh Cường.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - PT;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - PT, tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 3 - PT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 về: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Bùi Văn Q, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn Yên Phong, xã YS, thành phố TĐ, tỉnh NB. Nay là Thôn Yên Phong, phường YS, tỉnh NB.

* *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Q T, sinh năm 1996; Địa chỉ: Khu 14, xã HC, huyện TB, tỉnh PT. Nay là xã HC, tỉnh PT.

(Anh Q, chị T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là anh Bùi Văn Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị Nguyễn Thị Q T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã YS, thành phố TĐ, tỉnh NB. Nay là phường YS, tỉnh NB. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại phường YS, tỉnh NB. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là không hợp nhau và không có con chung nên thường xuyên cãi và nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2018 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Mặc dù anh Q đã liên hệ với chị T nhiều lần để làm thủ tục ly hôn nhưng chị T không hợp tác. Nay anh Q xác định tình

cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị Q T.

Về con chung: Anh Q và chị T không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Anh Q không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho chị T nhưng chị T không đến Tòa án để giải quyết, không có bản trình bày ý kiến, vắng mặt tại tất cả các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.*

** Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương đã xác định:* Chị Nguyễn Thị Q T, sinh năm 1996 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 14, xã HC, huyện TB, tỉnh PT. Nay là xã HC, tỉnh PT. Năm 2017 chị T và anh Q được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã HC. Sau khi tổ chức lễ cưới thì chị T, anh Q đi làm tại Hà Nội, thỉnh thoảng chị T về thăm nhà (thăm mẹ là bà T1). Việc vợ chồng có mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm được do chị T, anh Q không sinh sống tại địa phương. Nay anh Q có yêu cầu xin ly hôn chị T thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tòa án đã tiến hành việc với bà Nguyễn Thị T1 là mẹ đẻ của chị T đã xác định:* Anh Q và chị Nguyễn Thị Q T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã YS, thành phố TĐ, tỉnh NB. Nay là phường YS, tỉnh NB. Sau khi kết hôn anh Q, chị T sinh sống tại phường YS, tỉnh NB được một thời gian thì chuyển về Hà Nội sinh sống. Đến giữa năm 2018 thì chị T có nói chuyện với bà T1 là vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là không hợp nhau và không có con chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2018 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay anh Q xin ly hôn thì quan điểm của gia đình là đồng ý cho anh Q và chị T ly hôn. Hiện chị T đang làm tại Hà Nội, thỉnh thoảng có về thăm nhà và bà T1 nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án sẽ thông báo lại ngay cho chị T.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - PT, tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự là vắng mặt không có lý do; Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, tình tiết của vụ án, các quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn Q;

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Bùi Văn Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị Q T.

[2]. *Về con chung:* Không có nên không giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác:* Anh Q không yêu cầu quyết nên không xem xét.

[4]. *Về án phí*: Anh Bùi Văn Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Tranh chấp ly hôn giữa anh Bùi Văn Q và chị Nguyễn Thị Q T là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 14, xã HC, huyện TB, tỉnh PT. Nay là xã HC, tỉnh PT. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT (cũ). Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - PT.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị T đều vắng mặt không có lý do, anh Q đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải nên vụ án không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị Q T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q, chị T là đúng quy định của pháp luật.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Bùi Văn Q và chị Nguyễn Thị Q T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đăng ký kết hôn nhau ngày 27/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã YS, thành phố TĐ, tỉnh NB. Nay là phường YS, tỉnh NB, do vậy hôn nhân giữa anh Q và chị T là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa anh Q và chị T hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và không có con chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa; không còn thực hiện nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của anh Q là có căn cứ. Vì vậy, cần xử cho anh Q được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*: Anh Q và chị T không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, các vấn đề khác*: Anh Q không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Anh Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. *Căn cứ vào*: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh Bùi Văn Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị Q T.

[3]. *Về con chung*: Anh Q, chị T không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác*: Anh Q không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Anh Bùi Văn Q phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001076 ngày 30/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh PT (nay là Thi hành án dân sự tỉnh PT).

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh PT;
- VKSND tỉnh PT;
- VKSND khu vực 3 - PT;
- THADS tỉnh PT;
- Các đương sự;
- UBND xã HC, tỉnh PT;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Luyến

